

Số: 1495/QĐ-UBND

Phước Sơn, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumina (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC SON

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/1/2024;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ một số khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH15 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/1/2026 của Chính phủ quy

định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 28/5/2025 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ) về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND

thành phố Đồng Nai về Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 23/1/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ);

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc Ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Căn cứ Công văn số 1757/UBND-KTNS ngày 02/2/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Công văn số 3690/UBND-KTN ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 31/1/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 3356/SNNMT-ĐĐ ngày 16/06/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về xử lý khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Công văn số 3254/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 08/7/2026 của Sở xây dựng thành phố Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố đồng Đồng Nai tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTPTQĐ ngày 20/4/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) phân công nhiệm vụ đối với Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất các chi nhánh;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-TTPTQĐ ngày 18/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030);



Căn cứ Kế hoạch số 281/KH-TTPTQĐ ngày 03/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc thu hồi đất thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 -2030);

Căn cứ Biên bản kiểm kê đã lập với chủ sử dụng đất, Phương án áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản, cây trồng trên đất;

Căn cứ Công văn số 499/TTPTQĐCNBD ngày 27/8/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Bù Đăng về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2).

Qua xem xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 766/TTr-PKT ngày 27/8/2026 về việc đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi Dự án: Khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (có *Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo*)

2. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản để thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2) theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (có *bảng tổng hợp, chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi kèm theo*).

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan

1. Đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Bù Đăng:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của phương án bồi thường, hỗ trợ. Đồng thời, phối hợp với Phòng Kinh tế xã Phước Sơn, các ngành chức năng có liên quan tiến hành triển khai thực hiện các bước tiếp theo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt và xử lý các mối quan hệ có liên quan đúng theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với UBND xã Phước Sơn phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Trụ sở UBND xã Phước Sơn và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư (*Nhà Văn hóa thôn*) nơi có đất thu hồi.

- Gửi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có); khi gửi Quyết định phê duyệt phương án phải có Biên bản giao nhận cụ thể. Trong trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập Biên bản cụ thể.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ được bổ sung theo quy định hiện hành của Nhà nước; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục đất đai có liên quan theo quy định.

- Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án, đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đúng theo quy định.

2. Phòng Kinh tế: Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Đề nghị Chủ đầu tư: Bố trí nguồn kinh phí để chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) theo đúng quy định sau khi Phương án bồi thường, hỗ trợ này được phê duyệt.

4. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có): Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND xã Phước Sơn thực hiện đúng, đủ các nội dung quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng dự án.

5. Phòng Văn hóa – Xã hội: Có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của xã Phước Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế;

Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội; Chủ đầu tư dự án; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Bù Đăng; Ban Quản lý thôn nơi có đất thu hồi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- UBND thành phố Đồng Nai;
- Sở NN và MT thành phố Đồng Nai;
- TTPTQĐ thành phố Đồng Nai;
- TTPTQĐ thành phố Đồng Nai – Chi nhánh Bù Đăng;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBMTTQVN xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- LĐVP, CV: KT, CNTT;
- Lưu: VT, (Tài).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Anh Tuấn



Phước Sơn, ngày 28 tháng 8 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumina (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/1/2024;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ một số khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH15 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/1/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 28/5/2025 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ) về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 23/1/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ);

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch

tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc Ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Căn cứ Công văn số 1757/UBND-KTNS ngày 02/2/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Công văn số 3690/UBND-KTN ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 31/1/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 3356/SNNMT-ĐĐ ngày 16/06/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về xử lý khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Công văn số 3254/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 08/7/2026 của Sở xây dựng thành phố Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố đồng Đồng Nai tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTPTQĐ ngày 20/4/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) phân công nhiệm vụ đối với Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất các chi nhánh;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-TTPTQĐ ngày 18/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030);

Căn cứ Kế hoạch số 281/KH-TTPTQĐ ngày 03/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc thu hồi đất thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 -2030);

Căn cứ Biên bản kiểm kê đã lập với chủ sử dụng đất, Phương án áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản, cây trồng trên đất;

Phương án bồi thường, hỗ trợ

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án được phê duyệt

Có 33 hộ gia đình, cá nhân, gồm 39 thửa đất thu hồi.

2. Tổng diện tích đất thu hồi, nguồn gốc đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại

2.1. Tổng diện tích đất thu hồi: 158.084,3 m², Trong đó:

- Đất trồng cây lâu năm: 158.084,3 m².

2.2. Nguồn gốc đất thu hồi đất:

Theo Giấy xác định nguồn gốc đất (pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập nhà, vật kiến trúc) của UBND xã Phước Sơn và Biên bản cung cấp, giao nhận các văn bản, tài liệu có liên quan phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Bù Đăng và Phòng Kinh tế xã Phước Sơn.

2.3. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại

Theo biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) phối hợp với UBND xã Phước Sơn và các đơn vị có liên quan thực hiện.

3. Giá đất tính bồi thường; đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng và cây trồng, vật nuôi; chính sách hỗ trợ

3.1. Đơn giá đất

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Cụ thể:

TT	Hạng mục	QĐ 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất	Thành tiền (đồng/m ²)
1	Đất trồng cây lâu năm			
1.1	Các tuyến đường còn lại (xã Phước Sơn)			
+	Vị trí 2	45.000	1,12	50.400
+	Vị trí 1, phạm vi 1	75.000	1,12	84.000
+	Vị trí 1, phạm vi 2	60.000	1,12	67.200
+	Vị trí 1, phạm vi 3	45.000	1,12	50.400

1.2	Đường thôn 8 đến thôn 11 Thống Nhất/từ Nhà văn hóa thôn 8 Thống Nhất đến Tổ 2 thôn 11 Thống Nhất			
+	Vị trí 1, phạm vi 2	60.000	1,12	67.200
+	Vị trí 1, phạm vi 1	75.000	1,12	84.000
1.3	Đường ĐT 755B/từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)			
+	Vị trí 1, phạm vi 1	170.000	1,3	221.000
+	Vị trí 1, phạm vi 2	136.000	1,3	176.800
1.4	Đường ĐT 755/Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m - Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn 4 Thống Nhất)			
+	Vị trí 1, phạm vi 1	195.000	1,3	253.500
+	Vị trí 1, phạm vi 2	156.000	1,3	202.800
+	Vị trí 1, phạm vi 3	117.000	1,3	152.100
1.5	Đường ĐT 755B/từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi			
+	Vị trí 1, phạm vi 1	170.000	1,3	221.000

3.2. Khu vực, phạm vi, vị trí, loại đường phố của thửa đất

Căn cứ Công văn số 405/VPĐK.BĐA-TĐK&CGCN của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Bù Đăng về việc phúc đáp Công văn số 135/TTPTQĐ-BT ngày 18/01/2026 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).

3.3. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng và cây trồng, vật nuôi

Về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Thực hiện theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Về cây trồng, vật nuôi: Thực hiện theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai); Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của

UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).

3.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) (Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 UBND tỉnh Đồng Nai) mức hỗ trợ cụ thể **1,5** lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật Đất đai 2024.

4. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 53.813.976.351 đồng(Bằng chữ: Năm mươi ba tỷ, tám trăm mười ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi mốt đồng).

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
A	Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (1+2+3+4+5)	52.758.800.344
1	Bồi thường về đất	15.936.064.400
2	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	3.212.304.774
2.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	1.910.184.569
2.2	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	1.302.120.205
3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	8.694.223.235
4	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	24.916.207.935
5	Các chính sách hỗ trợ khác	0
B	Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (2%)	1.055.176.007
1	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ dành cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Bù Đăng (85%) (1.7%)	896.899.606
2	Mức trích cho UBND xã Phước Sơn (15%) (0.3%)	158.276.401
	Tổng cộng (A+B)	53.813.976.351

Căn cứ lập Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ hợp đồng số 0606-01/2025/HĐ-GPMB/KTQBP-TTPTQĐ về việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ là 2% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

Mức trích kinh phí Theo quy định tại Khoản 4, Điều 15 Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).

5. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (*kèm theo Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ của từng hộ gia đình, cá nhân*).

6. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Sẽ được xem xét bổ sung sau khi có đầy đủ căn cứ.

7. Phương án hỗ trợ ổn định đời sống: Sẽ được xem xét bổ sung sau khi có đầy đủ căn cứ.

8. Phương án bố trí tái định cư: Sẽ được xem xét bổ sung sau khi có đầy đủ căn cứ.

9. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

10. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ

Việc tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) trên địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai.

Triển khai công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai và Điều 25 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

11. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ (nếu có)

Đối với khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai trừ vào tiền bồi thường đất (nếu có) được xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do thuế cơ sở 10 thành phố Đồng Nai xác định theo trình tự, thủ tục của pháp luật và quy định của UBND thành phố Đồng Nai.

Tiếp tục thực hiện bổ sung trên cơ sở quy định, chủ trương, kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Sau khi Phương án bồi thường, hỗ trợ được Phòng Kinh tế thẩm định và

UBND xã Phước Sơn phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Bù Đăng có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Phước Sơn chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án khai thác, tuyển quặng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin (Giai đoạn 1 2025 - 2030) thuộc địa bàn xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai (Đợt 4 - lần 2)/.



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỎI THƯỜNG, HỒ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (ĐỢT 4 - LẦN 2)
(Kèm theo Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Phước Sơn)

STT	Mã số phương án chi tiết	Họ và tên	Số CCCD	Ngày cấp CCCD	Vị trí thửa đất	Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ CPTMB)			Diện tích đất được bồi thường					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất được bồi thường (m ²)	Diện tích đất hỗ trợ (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)	Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hồ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm			
1	007PS/PACT-PS02	Bà Vĩ Thị Huyền	070166002159	28/06/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	34	24	778,9	778,9	764,9	52.342,080	2.828.000	-	69.447,788	68.841.000	193.458.868	-		
2	008PS/PACT-PS02	Bà Vĩ Thị Huyền	070166002159	28/06/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	34	22	1.341,9	1.341,9	1.297,9	98.108.640	8.126.800	-	69.447,788	126.445.500	781.674.667	-		
3	122PS/PACT-PS02	Ông Lê Minh Hiền cùng vợ là bà Lưu Chân Yên	070075000376	13/4/2021	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	189	1.095,7	1.095,7	1.095,7	210.555.540	-	-	20.266.090	242.948.700	473.770.330	-		
4	123PS/PACT-PS02	Ông Lê Minh Hiền cùng vợ là bà Lưu Chân Yên	070075000376	13/4/2021	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	188	3.821,7	3.821,7	3.821,7	844.595.700	-	-	-	-	-	-		
5	124PS/PACT-PS02	Ông Lê Minh Hiền cùng vợ là bà Lưu Chân Yên	070098010716	22/9/2021	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	90	15	1.343,1	1.343,1	1.280,26	296.825.100	33.084.000	-	546.306.460	974.533.500	2.398.507.660	-		
6	125PS/PACT-PS02	Ông Bùi Văn Cường cùng vợ là bà Nguyễn Thị Dung	036071015141	28/6/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	171	1.40,2	1.40,2	1.40,2	35.540.700	14.840.000	-	199.834.550	326.466.300	916.704.042	-		
7	126PS/PACT-PS02	Hồ ông Hoàng Văn Hiếu - Bà Nông Thị Hiếu	036170020716	28/6/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	51	4.886,0	4.886,0	4.886,0	1.115.192.130	84.840.000	-	-	-	-	-		
8	127PS/PACT-PS02	Hồ ông Nông Văn Thié	006075002621	26/4/2022	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	53	8	954,4	954,4	954,4	48.101.760	1.950.000	-	71.280.344	273.598.650	581.997.824	-		
9	128PS/PACT-PS02	Ông Vũ Văn Kiên cùng vợ là bà Hoàng Thị Như	070074002173	06/12/2024	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	53	4	2.315,8	2.315,8	2.296,45	116.716.320	5.448.960	-	56.484.166	64.422.000	170.957.926	-		
10	132PS/PACT-PS02	Ông Đinh Văn Hiền cùng vợ là bà Nông Thị Dung	070064001238	06/12/2024	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	45	243	26,3	26,3	26,3	5.812.300	-	-	79.074.868	155.010.375	356.250.523	-		
11	133PS/PACT-PS02	Ông Phùng Văn Vang cùng vợ là bà Phạm Thị Thủy	037079004493	13/4/2021	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	156	454,9	454,9	454,9	115.317.150	10.828.800	-	467.644	6.706.500	23.815.244	-		
12	134PS/PACT-PS02	Ông Lê Văn Thái cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thủy	070071004848	16/7/2025	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	45	160	36,3	36,3	-	-	-	-	-	-	-	-		
13	136PS/PACT-PS02	Ông Nguyễn Văn Ich cùng vợ là bà Trần Thị Vóc	040066001079	12/01/2026	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	45	242	12,1	12,1	12,1	2.674.100	4.617.600	-	795.667	-	2.685.667	-		
14	138PS/PACT-PS02	Ông Trịnh Thuận cùng vợ là bà Lê Thị Kim Quy	070064000365	28/6/2021	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	54	107	559,4	559,4	559,4	141.807.900	7.557.600	-	163.624.500	317.152.650	7.291.700	-		
15	139PS/PACT-PS02	Ông Lê Thị Kim Quy	07184009400	29/12/2024	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	174	694,4	694,4	694,4	176.030.400	9.917.600	-	203.112.000	396.181.047	-	-		



17	139PS/PACT- PS02	Hồ ông Diệc Dạch cùng vợ là bà Đào Thị Kinh	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070064000551		Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	35	24	10.644,2	10.644,2	10.644,2	536.467.680	-	-	181.265.786	718.483.500	1.436.216.966
18	143PS/PACT- PS02	Ông Diệc Khang cùng vợ là bà Thị Mai	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070066000483	01/4/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	44	3.	2.048,9	2.048,9	1.949,24	103.264.560	103.132.760	13.892.295	49.042.482	131.573.430	400.905.527
19	145PS/PACT- PS02	Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổ 6, khu phố 3B Phường Thọ Hòa, TP.HCM	052085005278	13/10/2025	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	45	158	4.555,3	4.555,3	4.555,3	382.645.200	-	-	61.054.690	512.471.250	956.171.140
20	148PS/PACT- PS02	Ông Lê Minh Châu cùng vợ là bà Phan Thị Đỗ	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	051073018049	5/7/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	45	39	8.368,6	8.368,6	8.368,6	702.962.400	-	149.239.600	461.758.827	941.467.500	2.255.428.327
21	149PS/PACT- PS02	Hồ ông Lê Minh Châu cùng vợ là bà Phan Thị Đỗ	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	051073018049	5/7/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	45	50	2.972,5	2.972,5	2.812,51	249.690.000	151.105.494	44.149.575	351.242.483	316.407.375	1.112.594.927
22	150PS/PACT- PS02	Hồ ông Nguyễn Đình Thanh cùng vợ là bà Phạm Thị Lanhi	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070075002151	01/5/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	52	02	2.238,3	2.238,3	2.082,19	188.017.200	126.238.560	68.203.030	349.948.368	234.246.375	966.653.533
23	151PS/PACT- PS02	Hồ ông Nguyễn Đình Thanh cùng vợ là bà Phạm Thị Lanhi	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070075002151	01/5/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	43	41	5.557,0	5.557,0	52.255,0	466.788.000	525.303.173	167.134.660	295.057.720	5.878.687.500	7.332.971.053
24	152PS/PACT- PS02	Ông Hoàng Văn Nhue	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070083003051	01/5/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	52	22	2.663,9	2.663,9	2.663,9	134.260.560	53.622.000	-	282.814.575	179.813.250	650.510.385
25	153PS/PACT- PS02	Bà Vĩ Thị Tân	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070158001670	01/5/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	52	55	16.217,1	16.217,1	16.217,1	817.341.840	-	-	408.683.129	1.094.654.250	2.320.679.219
26	155PS/PACT- PS02	Ông Đàm Đình Đức	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070066001815	5/1/2026	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	53	114	2.440,2	2.440,2	2.440,2	204.976.800	-	-	29.175.458	274.522.500	508.674.758
27	156PS/PACT- PS02	Ông Lê Ngọc Trung cùng vợ là bà Hoàng Thu Trang	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070090010918	28/6/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	53	120	4.547,4	4.547,4	4.547,4	381.981.600	14.874.000	-	66.051.602	511.582.500	974.489.702
28	158PS/PACT- PS02	Ông Trịnh Xuân Tiến	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070201003360	01/5/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	53	68	6.433,4	6.433,4	6.433,4	529.562.160	6.592.800	-	104.792.816	708.833.250	1.349.481.026
29	159PS/PACT- PS02	Ông Nông Văn Nghi	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070077002314	01/5/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	53	7	2.568,6	2.568,6	2.568,6	129.457.440	2.600.000	-	53.989.106	173.380.500	359.427.046
30	160PS/PACT- PS02	Hồ ông Nguyễn Quang Trí	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070076000388	01/4/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	54	10	1.909,2	1.909,2	1.909,2	96.223.680	36.261.740	-	117.051.453	128.871.000	378.407.873
31	161PS/PACT- PS02	Ông Nguyễn Chí Cường	Thôn Phước Hòa, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070079000480	1/4/2021	Thôn Phước Hòa, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	54	6	3.571,8	3.571,8	3.571,8	300.031.200	-	22.895.600	73.053.216	401.827.500	797.807.516
32	162PS/PACT- PS02	Ông Trần Minh Hùng cùng vợ là bà Ngô Thị Ngọc Hạnh	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	075076015682	27/12/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	117	779,4	779,4	779,4	65.469.600	-	5.890.500	9.425.770	87.682.500	168.468.370
33	163PS/PACT- PS02	Ông Trần Văn Quang cùng vợ là bà Tạ Thị Xinh	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	033069006627	1/5/2021	Thôn Phước Hòa, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	161	117,8	117,8	117,8	26.033.800	-	-	2.097.904	30.039.000	58.170.704
34	164PS/PACT- PS02	Ông Nguyễn Văn Lạc cùng vợ là bà Lê Thị Bôn	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070061003274	05/7/2021	Thôn Phước Hòa, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	176	10.075,3	10.075,3	10.075,3	2.028.762.320	-	41.273.250	371.846.524	2.340.879.600	4.782.761.694
35	165PS/PACT- PS02	Ông Nguyễn Văn Lạc	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070089001007	1/4/2021	Thôn Phước Hòa, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	190	2.427,8	2.427,8	2.420,46	527.823.140	54.497.750	-	111.299.278	607.153.980	1.300.774.148
36	166PS/PACT- PS02	Ông Trần Văn Việt cùng vợ là bà Đào Thị Hằng	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	035072003843	13/4/2021	Thôn Phước Tân, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	55	20	7.894,8	7.894,8	7.894,8	663.163.200	111.133.200	-	213.276.459	888.165.000	1.875.737.859



37	167PS/PACT-PS02	Ông Cao Văn Du	ấp Dền Dền, xã Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	019087011163	28/6/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	62	47	10.367,2	10.367,2	10.367,2	10.283,1	841.097.040	96.109.548	288.396.800	1.537.499.566	1.117.008.000	3.880.110.954
38	168PS/PACT-PS02	Ông Nông Văn Phương cùng vợ là bà Ma Thị Thập	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070069001817	01/5/2021	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	62	50	23.616,2	23.616,2	23.616,2	22.938,26	1.565.588.640	502.178.840	351.662.231	1.287.436.642	2.020.502.250	5.727.368.603
39	169PS/PACT-PS02	Ông Diêu Văn Lôi	Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	070092009133		Thôn Phước Tiến, xã Phước Sơn, thành phố Đồng Nai	62	84	6.670,0	6.670,0	6.670,0	6.659,76	1.498.017.690	6.610.944	-	233.792.966	1.725.486.750	3.463.908.350
Cộng									158.084,3	158.084,3	158.084,3	203.410,42	15.936.064.400	1.910.184.569	1.302.120.205	8.694.223.235	24.916.207.935	52.758.800.344

